

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 8 - 2020

V/v: “*Không công nhận vợ chồng*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Việt Hưng

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Lê Thị Nga; Bà Trương Thị Lệ Chi

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Nga – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:***  
bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

**\* *Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã Hòa L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

**\* *Bị đơn:*** Ông Mai Văn H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã Hòa L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 cũng như trong quá trình tố tụng và ý kiến trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn là bà Lê Thị Ánh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống về là gây gỗ, chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, nhiều lúc còn đánh đập bà. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà và ông Mai Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông H có hai người con chung: Mai Ngô Công H, sinh ngày 01/9/1997 và Mai Ngô Công H, sinh ngày 26/4/1999. Vì các con đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2020 bị đơn ông Mai Văn H trình bày: Ông H khai phù hợp nội dung trình bày của bà N về thời gian chung sống, về con chung là có hai người con chung Mai Ngô Công H, sinh ngày 01/9/1997 và Mai Ngô Công H, sinh ngày 26/4/1999. Đối với các con đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông H khai ông và bà N có đăng ký kết hôn nhưng do bị thất lạc, không tìm thấy. Sau một thời gian kể từ ngày chung sống với nhau thì ngày 20/11/2016 ông bị xử phạt tù với mức án 03 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 29/4/2020 thì chấp hành án xong. Bản thân ông không biết chuyện gì xảy ra mà vợ ông lại làm đơn ly hôn, do vậy ông không đồng ý ly hôn và không đồng ý với ý kiến của bà N về việc vợ chồng không có đăng ký kết hôn.

- Về tài sản chung: Ông Mai Văn H không khai để nêu rõ quan điểm của mình nên không đặt ra để xem xét.

Tại phiên tòa: bà Lê Thị Ánh N giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình giống như đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các buổi làm việc tại Tòa án. Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, ông H cũng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà N là vợ chồng. Đối với các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:

Dựa vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa

Kiểm sát viên có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử không công nhận bà Lê Thị Ánh N và ông Mai Văn H là vợ chồng. Đối với con chung đều đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra để giải quyết, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Bà Lê Thị Ánh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Ánh N có đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố “không công nhận quan hệ vợ chồng” với bị đơn ông Mai Văn H hiện đang sinh sống và trú tại thôn 10, xã Hòa L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định bà Lê Thị Ánh N và ông Mai Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997. Tại thời điểm chung sống, bà Lê Thị Ánh N và ông Mai Văn H đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Mai Văn H có quan điểm, ông và bà Lê Thị Ánh N có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh

Đã Lỗi nhưng căn cứ kết quả xác minh ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông tại UBND xã H, huyện K, cán bộ Tư pháp UBND xã H, huyện K cung cấp không có văn bản, sổ lưu nào thể hiện việc ông Mai Văn H và bà Lê Thị Ánh N có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do vậy, mặc dù ông Mai Văn H và bà Lê Thị Ánh N đã có thời gian dài chung sống cùng nhau và có các con chung, nhưng căn cứ các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định ông Mai Văn H và bà Lê Thị Ánh N là vợ chồng.

Vì vậy, việc bà Lê Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Mai Văn H không phải là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Ông Mai Văn H đã được Tòa án yêu cầu cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc ông và bà Lê Thị Ánh N có làm thủ tục đăng ký kết hôn, tuy nhiên ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông và bà N đã làm thủ tục đăng ký kết hôn nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm của ông Mai Văn H.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng ông H và bà N có hai con chung là: Mai Ngô Công H, sinh ngày 01/9/1997 và Mai Ngô Công H, sinh ngày 26/4/1999.

Tại các buổi làm việc, về phần con chung do các cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh nên nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX xét thấy là phù hợp, đúng quy định nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa bà Lê Thị Ánh N và ông Mai Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ánh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 278, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC, VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh N. Xử không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Ánh N và ông Mai Văn H là vợ chồng.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai số AA/2019/0006687 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông;
- CQTHADS huyện Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Việt Hưng**